

Số: /BC-UBND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2023

## BÁO CÁO

### Tình hình thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2023

#### I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Thực hiện Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2023.

Trên cơ sở dự toán thu ngân sách trên địa bàn, chi ngân sách nhà nước đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Ủy ban nhân dân thị xã đã tổ chức triển khai Nghị quyết và ban hành các Quyết định giao dự toán thu, chi ngân sách cho các phòng, ban ngành, đoàn thể cấp thị xã và các xã, phường trên địa bàn thị xã. Kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023, thị xã Vĩnh Châu cụ thể như sau:

##### 1. Về thu ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách nhà nước theo dự toán giao đầu năm 2023 của thị xã Vĩnh Châu là 646.363 triệu đồng, bổ sung dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm là 220.101 triệu đồng, nâng tổng dự toán thu ngân sách nhà nước là 866.466 triệu đồng. Dự toán thu ngân sách tăng chủ yếu do tăng thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh thực hiện theo nhiệm vụ, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, kết dư ngân sách năm 2022 và thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang.

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023 là 37.092 triệu, đạt 57,06%, trong đó thu ngân sách thị xã hưởng theo phân cấp 32.142 triệu đồng, đạt 56,59% dự toán, chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm.

Tổng thu ngân sách thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2023 là 599.862 triệu đồng đạt 69,23% so với dự toán, chi tiết kèm theo phụ lục 02 đính kèm.

##### 2. Về chi ngân sách nhà nước

Tổng dự toán chi ngân sách nhà nước giao đầu năm 2023 của thị xã Vĩnh Châu là 646.363 triệu đồng, bổ sung dự toán chi ngân sách 6 tháng đầu năm là 220.101 triệu đồng, nâng tổng dự toán chi ngân sách nhà nước là 866.464 triệu đồng. Dự toán chi ngân sách nhà nước tăng chủ yếu do chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh thực hiện theo nhiệm vụ, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, kết dư ngân sách năm 2022 và thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang.

Thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 là 454.446 triệu đồng, đạt 52,45% so với dự toán, chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm.

### **3. Nhận xét, đánh giá**

#### **a) Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Trong 6 tháng đầu năm 2023 đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và thường xuyên trong công tác thu ngân sách; triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Thuế. Qua đó, kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 6 tháng đầu năm đạt tiến độ kế hoạch đề ra.

Thực hiện tốt công tác cải cách thủ tục hành chính thuế đã tạo thuận lợi cho người các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thuế.

Quan tâm thực hiện tốt công tác tuyên truyền cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh về chính sách thuế, nghĩa vụ và quyền hạn của người nộp thuế nhằm giúp doanh nghiệp, hộ kinh doanh nắm và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

#### **b) Về chi ngân sách nhà nước**

Dự toán năm 2023 đã thực hiện tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên, giữ lại ngân sách thị xã thực hiện cải cách tiền lương là 7.209 triệu đồng. Ủy ban nhân dân thị xã điều hành chi ngân sách trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Thực hiện đúng nguyên tắc cân đối theo dự toán và bố trí nguồn dự phòng để đảm bảo các yêu cầu, nhiệm vụ chi cấp bách phát sinh ngoài dự toán để đảm bảo các yêu cầu, nhiệm vụ chi cấp thiết chưa lường hết trong dự toán đầu năm như: phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh...

Các đơn vị sử dụng ngân sách đã chủ động sắp xếp các nhiệm vụ chi phù hợp gắn với yêu cầu, nhiệm vụ của đơn vị. Nhìn chung, về chi ngân sách 6 tháng đầu năm, các khoản chi được đảm bảo theo dự toán phân bổ, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đối với nhiệm vụ chi thực hiện các chính sách về an sinh xã hội được thực hiện chi trả kịp thời, công khai.

Chi đầu tư phát triển được bố trí, phân bổ vốn, đầu tư cho các dự án đảm bảo kịp thời; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư ngân sách thị xã đến ngày 15 tháng 6 năm 2023 đạt 60,18% kế hoạch vốn.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023**

### **1. Nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước**

Nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn 6 tháng cuối năm cần phấn đấu là 24.658 triệu đồng, đạt cả năm là 68.250 triệu đồng (đạt 105% dự toán).

Dự toán chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2023 là 412.018 triệu đồng, gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 8.777 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 256.314 triệu đồng.

- Dự phòng ngân sách: 11.763 triệu đồng.
- Chi các chương trình mục tiêu: 54.246 triệu đồng.
- Chi từ nguồn kết dư ngân sách: 2.767 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn ngân sách năm trước: 70.943 triệu đồng.

## **2. Một số giải pháp tổ chức thực hiện 6 tháng cuối năm 2023**

### **a) Về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Để hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thị xã năm 2023, Ủy ban nhân dân thị xã tiếp tục tập trung chỉ đạo Chi cục Thuế, các ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau:

- Thực hiện rà soát, xác định nguồn thu còn tiềm năng để kịp thời đề xuất các giải pháp quản lý, khai thác hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới hình thức tuyên truyền, hỗ trợ tư vấn về thuế, giúp doanh nghiệp và người nộp thuế thực hiện có hiệu quả nghĩa vụ nộp thuế, đẩy mạnh cải cách hành chính nhằm cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, góp phần tạo nguồn thu ổn định, vững chắc cho ngân sách Nhà nước.

- Đẩy mạnh kiểm tra việc kê khai của người nộp thuế, đảm bảo tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ đều phải kê khai nộp thuế theo quy định. Tăng cường kiểm tra những lĩnh vực kinh doanh có dấu hiệu tiềm ẩn kê khai không đủ thuế và kiên quyết xử phạt đối với các trường hợp vi phạm quy định về kê khai thuế, thực hiện ấn định thuế đối với người nộp thuế vi phạm pháp luật về thuế theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chống thất thu thuế trên địa bàn thị xã; triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp thu hồi nợ thuế theo đúng quy định, đặc biệt không để phát sinh số nợ thuế mới.

- Chỉ đạo thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa Chi cục Thuế, Ủy ban nhân dân các xã, phường và ngành Công an để có giải pháp chống thất thu ngân sách nhà nước, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Xử lý nghiêm các trường hợp trốn thuế, gian lận thuế.

### **b) Về chi ngân sách nhà nước**

Tiếp tục tăng cường quản lý, điều hành ngân sách trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Tiếp tục triển khai các giải pháp tổ chức thực hiện theo Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023.

Tập trung chỉ đạo, điều hành chi ngân sách các cấp trên cơ sở dự toán đã được Hội đồng nhân dân thị xã thông qua. Đối với những công việc phát sinh ngoài kế hoạch, ngoài dự toán, các đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, phường phải

chủ động sắp xếp lại các khoản chi trong dự toán kinh phí đã phân bổ đầu năm để đảm bảo thực hiện. Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ chi, triệt để tiết kiệm các khoản chi; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo. Quản lý chặt chẽ việc tạm ứng và chi chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang.

Chi chương trình mục tiêu quốc gia và mục tiêu khác phải đảm bảo đúng từng mục tiêu, từng chương trình và dự án; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn của các chương trình, nhất là chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đảm bảo thanh toán, quyết toán đúng chế độ quy định hiện hành.

Đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ hỗ trợ từ ngân sách để chi cho công tác an sinh xã hội. Các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên cơ sở rà soát thống kê các đối tượng thụ hưởng, xây dựng cơ sở dữ liệu sát với thực tế để chỉ đạo và thực hiện chi trả kịp thời, đảm bảo đúng đối tượng, công bằng và công khai minh bạch.

Đẩy mạnh việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cơ quan, đơn vị và ngân sách các cấp; gắn với việc nâng cao vai trò, trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Trong việc sử dụng ngân sách phải đảm bảo bố trí số kinh phí được giao vào các mục chi cho phù hợp, đúng chế độ, có hiệu quả và tiết kiệm.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành chất lượng các dự án đầu tư; kiểm soát chặt chẽ tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư, bảo đảm chất lượng, thực hiện có hiệu quả vốn đầu tư công.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo đúng quy định.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 179/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc tình hình thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2023).*

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2023. Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo trước kỳ họp Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu khóa XII, kỳ họp lần thứ 8 xem xét./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- TT. Thị ủy;
- TT. HĐND thị xã;
- Ban KT-XH HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Thành viên UBND thị xã;
- Lưu: VT, NC.

**Nguyễn Thanh Liêm**

**Phụ lục 01**

**Số liệu thu ngân sách trên địa bàn theo lĩnh vực 6 tháng đầu năm 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023  
của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã	Tổng thu NSNN	Thu NS thị xã
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<b>Tổng thu NSNN</b>		<b>65.000</b>	<b>56.800</b>	<b>37.092</b>	<b>32.142</b>	<b>57,06</b>	<b>56,59</b>
1	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	16.500	16.400	9.012	8.863	54,62	54,04
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.000	3.000	1.734	1.734	57,80	57,80
-	Thuế giá trị gia tăng	13.400	13.400	7.129	7.129	53,20	53,20
-	Thuế tài nguyên	50		98		196,00	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	50		51		102,00	
2	Thuế thu nhập cá nhân	12.000	12.000	6.058	6.058	50,48	50,48
3	Lệ phí trước bạ	15.000	15.000	7.500	7.500	50,00	50,00
4	Thu phí, lệ phí	2.500	1.200	1.319	1.319	52,76	109,92
5	Thu tiền sử dụng đất	17.000	10.200	12.003	7.202	70,61	70,61
6	Thu khác ngân sách	2.000	2.000	1.200	1.200	60,00	60,00

**Phụ lục 02****Số liệu thu ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Thu NSNN	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Tổng thu NSNN sau khi điều chỉnh	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % dự toán giao đầu năm	Tỷ lệ % sau điều chỉnh
<b>Tổng thu ngân sách nhà nước</b>		<b>646.363</b>	<b>220.101</b>	<b>866.464</b>	<b>599.862</b>	<b>92,81</b>	<b>69,23</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp</b>	<b>56.800</b>		<b>56.800</b>	<b>32.142</b>	<b>56,59</b>	<b>56,59</b>
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh</b>	<b>589.563</b>	<b>70.943</b>	<b>660.506</b>	<b>418.562</b>	<b>71,00</b>	<b>63,37</b>
1	Thu bổ sung cân đối	543.128		543.128	325.877	60,00	60
2	Thu bổ sung có mục tiêu	46.435	70.943	117.378	92.685	199,60	78,96
<b>III</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>7.273</b>	<b>7.273</b>	<b>7.273</b>		<b>100</b>
1	Thị xã		4.251	4.251	4.251		100
2	Xã, phường		3.022	3.022	3.022		100
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước</b>		<b>141.885</b>	<b>141.885</b>	<b>141.885</b>		<b>100</b>

**Phụ lục 03****Số liệu chi ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu 6 tháng đầu năm 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
<b>Tổng chi ngân sách</b>		<b>646.363</b>	<b>220.101</b>	<b>866.464</b>	<b>454.446</b>	<b>70,31</b>	<b>52,45</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>43.103</b>	<b>-</b>	<b>43.103</b>	<b>34.326</b>	<b>79,64</b>	<b>79,64</b>
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp	32.903		32.903	25.613	77,84	77,84
2	Chi xây dựng CSHT bằng nguồn thu tiền sử dụng đất	10.200		10.200	8.713	85,42	85,42
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>537.853</b>		<b>537.853</b>	<b>281.539</b>	<b>52,34</b>	<b>52,34</b>
1	Chi quốc phòng (trong đó kinh phí hỗ trợ 3 đồn biên phòng là 90 triệu đồng và hỗ trợ chi quốc phòng cho xã, phường 350 triệu đồng)	2.679		2.679	1.825	68,12	68,12
2	Chi an ninh	446		446	200	44,84	44,84
3	Chi sự nghiệp giáo dục	327.296		327.296	165.252	50,49	50,49
4	Chi sự nghiệp đào tạo - dạy nghề	6.588	-	6.588	1.990	30,21	30,21
-	Trung tâm Dạy nghề và giáo dục thường xuyên	2.809		2.809	1.200	42,72	42,72
-	Trung tâm Chính trị (thuộc Văn phòng Thị ủy)	1.138		1.138	490	43,06	43,06
-	Đào tạo cán bộ (trong đó văn phòng Thị ủy 600trđ)	700		700	200	28,57	28,57
-	Đào tạo cán bộ HTX và cán bộ xã, phường	1.000		1.000	100	10,00	10,00
-	Đào tạo khác	941		941	300	31,88	31,88
5	Chi sự nghiệp y tế	2227		2.227	450	20,21	20,21

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
6	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin - thể thao- Truyền Thanh (bao gồm kinh phí đối ứng thực hiện DA "Nâng cao hiệu quả SD máy tính và truy nhập Internet công cộng")	3.856	-	3.856	2.091	54,23	54,23
-	Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể thao - Truyền thanh	1.728		1.728	954	55,21	55,21
-	Sự nghiệp Văn hóa thông tin	783		783	487	62,20	62,20
-	Sự nghiệp Thể dục thể thao	600		600	300	50,00	50,00
-	Chi sự nghiệp phát thanh	745		745	350	46,98	46,98
7	Đảm bảo xã hội	43.580		43.580	30.250	69,41	69,41
8	Chi sự nghiệp kinh tế	49.136	-	49.136	24.760	50,39	50,39
-	Sự nghiệp Nông - Lâm - Thủy Sản	600		600	300	50,00	50,00
-	Sự nghiệp giao thông	3.000		3.000	1.500	50,00	50,00
-	Sự nghiệp kinh tế khác	16.646		16.646	4.500	27,03	27,03
-	Kinh phí quy hoạch	5.000		5.000	1.500	30,00	30,00
-	Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất	570		570	300	52,63	52,63
-	Duy tu sửa chữa lộ giao thông nông thôn do xã phường quản lý	1.000		1.000	500	50,00	50,00
-	Kiến thiết đô thị	20.000		20.000	15.000	75,00	75,00
-	Kinh phí bảo vệ đất trồng lúa	2.320		2.320	1.160	50,00	50,00
9	Chi sự nghiệp môi trường	8.212		8.212	4.500	54,80	54,80

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
10	Chi quản lý hành chính	38.045		38.045	22.881	60,14	60,14
10.1	Chi cho khối Đảng	8.831	-	8.831	5.400	61,15	61,15
-	Văn phòng Thị ủy	8.831		8.831	5.400	61,15	61,15
10.2	Chi cho khối đoàn thể và các hội có tính chất đặc thù	5.459	-	5.459	2.836	51,95	51,95
-	UBMT Tổ quốc (Trong đó: kinh phí hoạt động đặc thù: 90 triệu đồng)	955		955	500	52,36	52,36
-	Thị đoàn	698		698	350	50,14	50,14
-	Hội Liên hiệp Phụ nữ	873		873	487	55,78	55,78
-	Hội Nông dân	976		976	490	50,20	50,20
-	Hội Cựu Chiến Binh	567		567	290	51,15	51,15
-	Hội chữ thập đỏ	601		601	310	51,58	51,58
-	Các Hội có tính chất đặc thù	789	-	789	409	51,84	51,84
+	Hội nạn nhân chất độc màu da cam	126		126	65	51,59	51,59
+	Hội Người Mù	159		159	84	52,83	52,83
+	Hội Khuyến Học	126		126	65	51,59	51,59
+	Hội Luật gia	126		126	65	51,59	51,59
+	Ban đại diện Hội Người cao tuổi	126		126	65	51,59	51,59
+	Hội Chiến sĩ bị địch bắt tù đày	126		126	65	51,59	51,59

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
10.3	Quản lý Nhà nước (kể cả HĐND)	17.921	-	17.921	9.167	51,15	51,15
-	- Văn phòng HĐND và UBND	6.260	-	6.260	3.280	52,40	52,40
+	Kinh phí tự chủ của Văn phòng HĐND và UBND	3.730		3.730	1.870	50,13	50,13
+	Kinh phí hoạt động thường xuyên của HĐND và sinh hoạt phí của đại biểu HĐND thị xã.	1.072		1.072	600	55,97	55,97
+	Kinh phí Thường trực UBND thị xã	800		800	500	62,50	62,50
+	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực ngành	180		180	70	38,89	38,89
+	Kinh phí hoạt động của HĐ 68 theo NĐ 161/NĐ-CP	478		478	240	50,21	50,21
-	Phòng Giáo dục và Đào tạo	1.314		1.314	620	47,18	47,18
-	Phòng Lao động - TB và XH	1.223		1.223	630	51,51	51,51
-	Phòng Nội vụ	1.159		1.159	580	50,04	50,04
-	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.754		1.754	890	50,74	50,74
-	Phòng Quản lý đô thị	752		752	390	51,86	51,86
-	Phòng Kinh tế	1.569		1.569	792	50,48	50,48
-	Phòng Tài nguyên - Môi trường	661		661	340	51,44	51,44
-	Phòng Tư pháp	603		603	300	49,75	49,75
-	Phòng Văn hóa - Thông tin	952		952	490	51,47	51,47
-	Thanh tra (bao gồm kinh phí hỗ trợ trang phục ngành)	936		936	470	50,21	50,21

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
-	Phòng Dân tộc	568		568	290	51,06	51,06
-	Kinh phí hỗ trợ cho các ngành tỉnh đóng tại địa phương	170	-	170	95	55,88	55,88
+	Tòa án nhân dân	30		30	15	50,00	50,00
+	Viện Kiểm Sát nhân dân	30		30	15	50,00	50,00
+	Chi cục Thi hành án (bao gồm kinh phí hoạt động BCD thi hành án dân sự)	80		80	40	50,00	50,00
+	Chi cục Thống kê	30		30	25	83,33	83,33
11.4	Ứng dụng công nghệ thông tin	200		200	150	75,00	75,00
11.5	Các khoản chi không tự chủ	5.434		5.434	5.128	94,37	94,37
11.6	Cải cách hành chính	200		200	200	100,00	100,00
12	Chi khác ngân sách (chi khen thưởng)	1.000		1.000	590	59,00	59,00
13	Chi ngân sách cấp xã, phường	54.788		54.788	26.750	48,82	48,82
<b>III</b>	<b>Chi tạo nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>7.209</b>		<b>7.209</b>		0,00	0,00
<b>IV</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>11.763</b>		<b>11.763</b>		0,00	0,00
<b>V</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>46.435</b>	<b>70.943</b>	<b>117.378</b>	<b>63.132</b>	<b>135,96</b>	<b>53,79</b>
<b>1</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>0</b>	<b>57.761</b>	<b>57.761</b>	<b>28.115</b>		<b>48,67</b>
-	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG PTKT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2023 (nguồn vốn Trung ương (vốn đầu tư phát triển) 0514		22.144	22.144	8.967		40,49

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
-	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG XD nông thôn mới năm 2023 (nguồn vốn Trung ương (vốn đầu tư phát triển) (0393)		4.092	4.092	3.379		82,58
-	Kinh phí thực hiện CTMT quốc gia XDNTM (nguồn NS tỉnh, vốn sự nghiệp)		2.301	2.301	1.151		50,02
-	Kinh phí thực hiện mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn NS TW (vốn sự nghiệp))		20.502	20.502	10.250		49,99
-	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 (nguồn ngân sách Trung (vốn sự nghiệp)		2.015	2.015	1.008		50,02
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp)		6.707	6.707	3.360		50,10
<b>2</b>	<b>Chỉ các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>46.435</b>	<b>13.182</b>	<b>59.617</b>	<b>35.017</b>	<b>75,41</b>	<b>58,74</b>
<b>2.1</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết</b>	<b>46.435</b>	<b>0</b>	<b>46.435</b>	<b>26.512</b>	<b>57,09</b>	<b>57,09</b>
-	Trường Mầm non Vĩnh Phước	10.100		10.100	6.000	59,41	59,41
-	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp 1	3.390		3.390	2.367	69,82	69,82
-	Trường Tiểu học Lạc Hòa 1	3.295		3.295	2.145	65,10	65,10
-	Trường THCS Vĩnh Hải (giai đoạn 2)	14.750		14.750	8.000	54,24	54,24
-	Trường THCS Phường 2	14.900		14.900	8.000	53,69	53,69
<b>2.2</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>0</b>	<b>13.182</b>	<b>13.182</b>	<b>8.505</b>		<b>64,52</b>

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
-	Kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023		400	400	400		100,00
-	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ấp khóm		920	920	920		100,00
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT năm 2023		133	133	133		100,00
-	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/204/NĐ-CP, NĐ 43/2020/NĐ-CP đợt II năm 2022 (lần 2)		2.136	2.136	2.136		100,00
-	Kinh phí hỗ trợ Ban tổ chức hội thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		34	34	34		100,00
-	Kinh phí duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015		165	165	85		51,52
-	Kinh phí thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa cống dưới đê. Trong đó ưu tiên bố trí các công trình chống hạn, xâm nhập mặn và các xã nông thôn mới để hoàn thành tiêu chí về thủy lợi		8.400	8.400	4.300		51,19
-	Kinh phí thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường 1975-2015		100	100	50		50,00
-	Kinh phí thực hiện các hoạt động thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ		180	180	90		50,00
-	Kinh phí phụ cấp công an xã bán chuyên trách theo NQ 25/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		714	714	357		49,99
<b>V</b>	<b>Chi từ nguồn kết dư ngân sách</b>		<b>7.273</b>	<b>7.273</b>	<b>4.506</b>		61,96
<b>a</b>	<b>Chi kết dư ngân sách thị xã</b>		<b>4.251</b>	<b>4.251</b>	<b>2.006</b>		47,20

STT	Chỉ tiêu	Dự toán chi giao đầu năm	Điều chỉnh dự toán (tăng, giảm)	Dự toán chi sau điều chỉnh	Thực hiện chi 6 tháng đầu năm 2023	Tỷ lệ % so với dự toán đầu năm	Tỷ lệ % so với dự toán điều chỉnh
1	<b>Nguồn bổ sung có mục tiêu năm trước chuyển sang</b>		506	506	506		100,00
-	<b>Kinh phí BSMT thực hiện nhiệm vụ</b>		506	506	506		100,00
+	Kinh phí hỗ trợ SP dịch vụ Thủy Lợi		9	9	9		100,00
+	Kinh phí để thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn đưa về nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố ST và các vùng lân cận năm 2022		113	113	113		100,00
+	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động		27	27	27		100,00
+	Kinh phí thực hiện khoa học công nghệ		23	23	23		100,00
+	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 (nguồn NS Trung ương) nguồn sự nghiệp		2	2	2		100,00
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm 2022		183	183	183		100,00
+	Kinh phí kiến thiết thị chính năm 2022 để thực hiện lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng		31	31	31		100,00
+	Kinh phí tổ chức hội thi sáng tạo TTN nhi đồng		1	1	1		100,00
+	Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng SDD năm 2019 (QĐ 3707/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)		80	80	80		100,00
+	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ		36	36	36		100,00
2	Bổ sung các nhiệm vụ chi: mua sắm sửa chữa thiết bị, tài sản duy trì hoạt động thường xuyên; thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực chi phát sinh . . .)		3.744	3.744	1.500		40,06
<b>b</b>	<b>Kết dư ngân sách xã, phường</b>		<b>3.022</b>	<b>3.022</b>	<b>2.500</b>		<b>82,71</b>
<b>VI</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau</b>		<b>141.885</b>	<b>141.885</b>	<b>70.943</b>		<b>50,00</b>